

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Đ
TỈNH LONG AN**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 26/2025/DS-ST

Ngày: 29-5-2025

V/v “Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hùng Vương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Tư;

2. Ông Nguyễn Tấn Rõn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Mai Thị Bé Đào - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Giang Châu - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Long An, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 135/2024/TLST-DS ngày 26 tháng 7 năm 2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2025/QĐXXST-DS ngày 24 tháng 4 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: [Ngân hàng TMCP H1 \(M\)](#). Địa chỉ trụ sở chính: [Số E, N, phường L, Quận Đ, Thành phố Hà Nội](#); Địa chỉ liên lạc: [Tầng A, Tòa nhà ROX, Số A, Nguyễn Công T, Phường N, Quận I, Thành phố Hồ Chí Minh](#);

Đại diện hợp pháp: Ông [Võ Thiên H](#), sinh năm 1991; Chức vụ: Chuyên viên cao cấp; Địa chỉ: [Tầng A, Tòa nhà R, Số A, Nguyễn Công T, Phường N, Quận I, Thành phố Hồ Chí Minh](#) (Văn bản ủy quyền số 5488/2025/GUQ-TGD12 ngày 26-5-2025) (có mặt).

2. Bị đơn: Ông [Đỗ Văn Đ](#), sinh năm 1953 và bà [Võ Thị V](#), sinh năm 1954; Địa chỉ: [Ấp A, xã M, huyện Đ, tỉnh Long An](#); (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

– Theo đơn khởi kiện đề ngày 28-10-2024, các văn bản tiếp theo của nguyên đơn Ngân hàng TMCP H1 (M) (sau đây gọi tắt là Ngân hàng) và tại phiên tòa, ông Võ Thiện H đại diện hợp pháp của Ngân hàng trình bày và yêu cầu:

Ngân hàng TMCP P, Chi nhánh L, nay là Ngân hàng TMCP H1 (M), cùng ông Đỗ Văn Đ và bà Võ Thị V thỏa thuận và ký kết Hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ số APP246604/HĐTD-NH-MDB ngày 23-9-2013; Cụ thể: Số tiền vay 145.000.000 đồng; Thời hạn vay 12 tháng; Mục đích: Chăn nuôi bò và sữa chữa chuồng trại; Lãi suất cho vay 12%/năm; Phương thức trả nợ: Trả lãi cuối kỳ, trả lãi hàng tháng.

Biện pháp đảm bảo tiền vay: Ngân hàng cùng ông Đ và bà V thỏa thuận và ký kết Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số NN0574/HĐTC-MDB/BĐ ngày 23-9-2013. Theo đó, tài sản thế chấp để bảo đảm cho khoản vay: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành S 776499, số vào sổ cấp GCN: QSDĐ/0605-LA, do Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp ngày 15-3-2001 gồm các thửa số 130, 132, 158, 159, 423, 424 tờ bản đồ 08, địa chỉ thửa đất: xã M, huyện Đ, tỉnh Long An.

Thực hiện hợp đồng: Ngày 23-9-2013, Ngân hàng đã giải ngân cho ông Đ và bà V theo Đề nghị nhận tiền vay kiêm giấy nhận nợ số tiền 145.000.000 đồng.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, ông Đ và bà V đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán các khoản nợ gốc và lãi theo cam kết, thỏa thuận tại Hợp đồng vay hạn mức đã ký kết.

Tạm tính đến ngày 17-5-2024, ông Đ và bà V còn nợ các khoản: Dư nợ gốc 44.640.609 đồng, lãi trong hạn 62.848.046 đồng, lãi quá hạn 31.256.265 đồng, tổng nợ 138.744.920 đồng.

Do ông Đ và bà V không thanh toán nên Ngân hàng khởi kiện ra Tòa án nhân dân huyện Đ.

Nay Ngân hàng yêu cầu:

+ Buộc ông Đỗ Văn Đ và bà Võ Thị V phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP H1 (M) 147.897.342 đồng, gồm: Nợ gốc 44.640.609 đồng, nợ lãi trong hạn: 17.400.000 đồng và lãi quá hạn 85.856.733 đồng (tạm tính đến ngày 29-5-2025);

+ Kể từ ngày 30-5-2025 ông Đỗ Văn Đ và bà Võ Thị V còn phải có nghĩa vụ thanh toán số tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất đã thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ số APP246604/HĐTD-NH-MDB ngày 23-9-2013 cho đến khi thanh toán hết nợ;

+ Trong trường hợp ông Đỗ Văn Đ và bà Võ Thị V không trả được nợ, hoặc trả nợ không đầy đủ, thì Ngân hàng TMCP H1 (M) được quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền kê biên, phát mãi tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế

chấp quyền sử dụng đất số NN0574/HĐTC-MDB/BĐ ngày 23-9-2013 để thu hồi nợ vay.

- Đề nghị tuyên bị đơn chịu các khoảng về chi phí tố tụng và án phí.

– Bị đơn là ông [Đỗ Văn Đ](#) và bà [Võ Thị V](#) không trình bày ý kiến, không cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh.

– Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đ nhận xét:

Trong quá trình thụ lý, chuẩn bị đưa vụ án ra xét xử, Thẩm phán thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Đối với đương sự, đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của đương sự theo quy định của pháp luật, quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự được đảm bảo.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ, nên đề nghị chấp nhận.

– Vụ việc không tiến hành hòa giải tại Tòa án được do bị đơn là ông [Đỗ Văn Đ](#) và bà [Võ Thị V](#) được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt tại phiên hòa giải lần thứ hai không có lý do.

– Bị đơn là ông [Đỗ Văn Đ](#) và bà [Võ Thị V](#) vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do, nên Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] [Ngân hàng TMCP H1 \(M\)](#) (Trước đây là [Ngân hàng TMCP P](#)), khởi kiện “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” đối với ông [Đỗ Văn Đ](#) và bà [Võ Thị V](#), Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Long An thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự và Điều 463 Bộ luật Dân sự.

[2] Bị đơn là ông [Đỗ Văn Đ](#) và bà [Võ Thị V](#) được tổng đạt hợp lệ các thủ tục tố tụng của Tòa án, nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Hội đồng xét xử vụ án theo quy định tại khoản 3 Điều 228, điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự

[3] Nguyên đơn không có đơn rút yêu cầu khởi kiện. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án.

[4] Xét các yêu cầu của Ngân hàng:

[4.1] Xét Ngân hàng yêu cầu ông [Đỗ Văn Đ](#) và bà [Võ Thị V](#) phải trả cho Ngân hàng 147.897.342 đồng, gồm: Nợ gốc 44.640.609 đồng, nợ lãi trong hạn: 17.400.000 đồng và lãi quá hạn 85.856.733 đồng (tạm tính đến ngày 29-5-2025). Yêu cầu của Ngân hàng phù hợp với nội dung Hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ số

APP246604/HĐTD-NH-MDB, Đề nghị nhận tiền vay kiêm giấy nhận nợ cùng ngày 23-9-2013 được ký kết giữa Ngân hàng với ông Đ và bà V, bảng kê tình hình dư nợ lập ngày 29-5-2025 cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ, nên chấp nhận.

[5.2] Xét Ngân hàng yêu cầu ông Đ và bà V tiếp tục trả lãi phát sinh theo Hợp đồng tín dụng đã ký, từ ngày 30-5-2025 cho đến khi trả hết nợ, là phù hợp Hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ số APP246604/HĐTD-NH-MDB nên chấp nhận.

[5.3] Xét Ngân hàng yêu cầu: Trong trường hợp ông Đỗ Văn Đ và bà Võ Thị V không trả được nợ, hoặc trả nợ không đầy đủ, thì Ngân hàng TMCP H1 (M) được quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền kê biên, phát mãi tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số NN0574/HĐTC-MDB/BĐ ngày 23/9/2013 để thu hồi nợ vay là phù hợp nên chấp nhận, bởi vì: Để đảm bảo số tiền vay, Ngân hàng cùng ông Đ và bà V thỏa thuận và ký kết Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số NN0574/HĐTC-MDB/BĐ ngày 23-9-2013. Tài sản thế chấp để bảo đảm cho khoản vay: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành S 776499, số vào sổ cấp GCN: QSDD/0605-LA, do Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp ngày 15-3-2001 gồm các thửa số 130, 132, 158, 159, 423, 424 tờ bản đồ 08, địa chỉ thửa đất: xã M, huyện Đ, tỉnh Long An.

[6] Về chi phí tố tụng:

Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ 5.000.000 đồng; Yêu cầu của Ngân hàng được chấp nhận, ông Đ, bà V phải chịu. Số tiền chi phí tố tụng Ngân hàng đã tạm nộp và chi phí xong, buộc ông Đ, bà V phải nộp trả cho Ngân hàng 5.000.000 đồng khi án có hiệu lực pháp luật. Cần áp dụng quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự 2015 trong việc tính lãi đối với các số tiền chậm thi hành án là phù hợp.

[6] Về án phí, căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, xét thấy:

Ông Đ và bà V có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng 147.897.342 đồng, tuy nhiên, ông Đ và bà V thuộc trường hợp không phải nộp tạm ứng án phí và án phí theo điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 (người cao tuổi).

Ngân hàng không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại Ngân hàng 3.468.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào: Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 3 Điều 228, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 147 và Điều 266 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Các Điều 463, 466 và 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc

hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

2. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” của [Ngân hàng TMCP H1 \(M\)](#) đối với ông [Đỗ Văn Đ](#) và bà [Võ Thị V](#).

+ Buộc ông [Đỗ Văn Đ](#) và bà [Võ Thị V](#) có nghĩa vụ trả cho [Ngân hàng TMCP H1 \(M\)](#) 147.897.342 đồng (một trăm bốn mươi bảy triệu, tám trăm chín mươi bảy nghìn, ba trăm bốn mươi hai đồng), gồm: nợ gốc 44.640.609 đồng, nợ lãi trong hạn 17.400.000 đồng và lãi quá hạn 85.856.733 đồng (tạm tính đến ngày 29-5-2025), khi án có hiệu lực pháp luật;

+ Buộc ông [Đỗ Văn Đ](#) và bà [Võ Thị V](#) có nghĩa vụ trả lãi phát sinh theo Hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ số APP246604/HĐTD-NH-MDB ngày 23-9-2013 được ký kết giữa Ngân hàng với ông [Đ](#) và bà [V](#), từ ngày 30-5-2025 đến khi trả hết nợ.

+ Trong trường hợp ông [Đỗ Văn Đ](#) và bà [Võ Thị V](#) không trả được nợ, hoặc trả nợ không đầy đủ, thì [Ngân hàng TMCP H1 \(M\)](#) được quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền kê biên, phát mãi tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành S 776499, số vào sổ cấp GCN: QSDĐ/0605-LA, do [Ủy ban nhân dân huyện Đ](#) cấp ngày 15-3-2001 gồm các thửa số 130, 132, 158, 159, 423, 424 tờ bản đồ 08, địa chỉ thửa đất: [xã M, huyện Đ, tỉnh Long An](#), theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số NN0574/HĐTC-MDB/BĐ ngày 23-9-2013 để thu hồi nợ vay.

3. Về chi phí tố tụng:

Ông [Đỗ Văn Đ](#) và bà [Võ Thị V](#) phải chịu 5.000.000 đồng (năm triệu đồng) tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ. Số tiền này [Ngân hàng TMCP H1 \(M\)](#) đã tạm nộp và chi phí xong;

Buộc ông [Đỗ Văn Đ](#) và bà [Võ Thị V](#) phải nộp trả cho [Ngân hàng TMCP H1 \(M\)](#) 5.000.000 đồng (năm triệu đồng) khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền (phải trả cho người được thi hành án), hàng tháng, người phải thi hành án còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự 2015.

4. Về án phí:

Ông [Đỗ Văn Đ](#) và bà [Võ Thị V](#) thuộc trường hợp không phải chịu tạm ứng án phí và án phí theo điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 (người cao tuổi).

Trả lại [Ngân hàng TMCP S](#) 3.468.000 đồng (ba triệu, bốn trăm sáu mươi tám nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu số 0004584 ngày 26-7-2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ.

5. Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án theo thủ tục phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (Ngày 29-5-2025). Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án theo thủ tục phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Đ;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- UBND xã M;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, án văn.

Nguyễn Hùng Vương